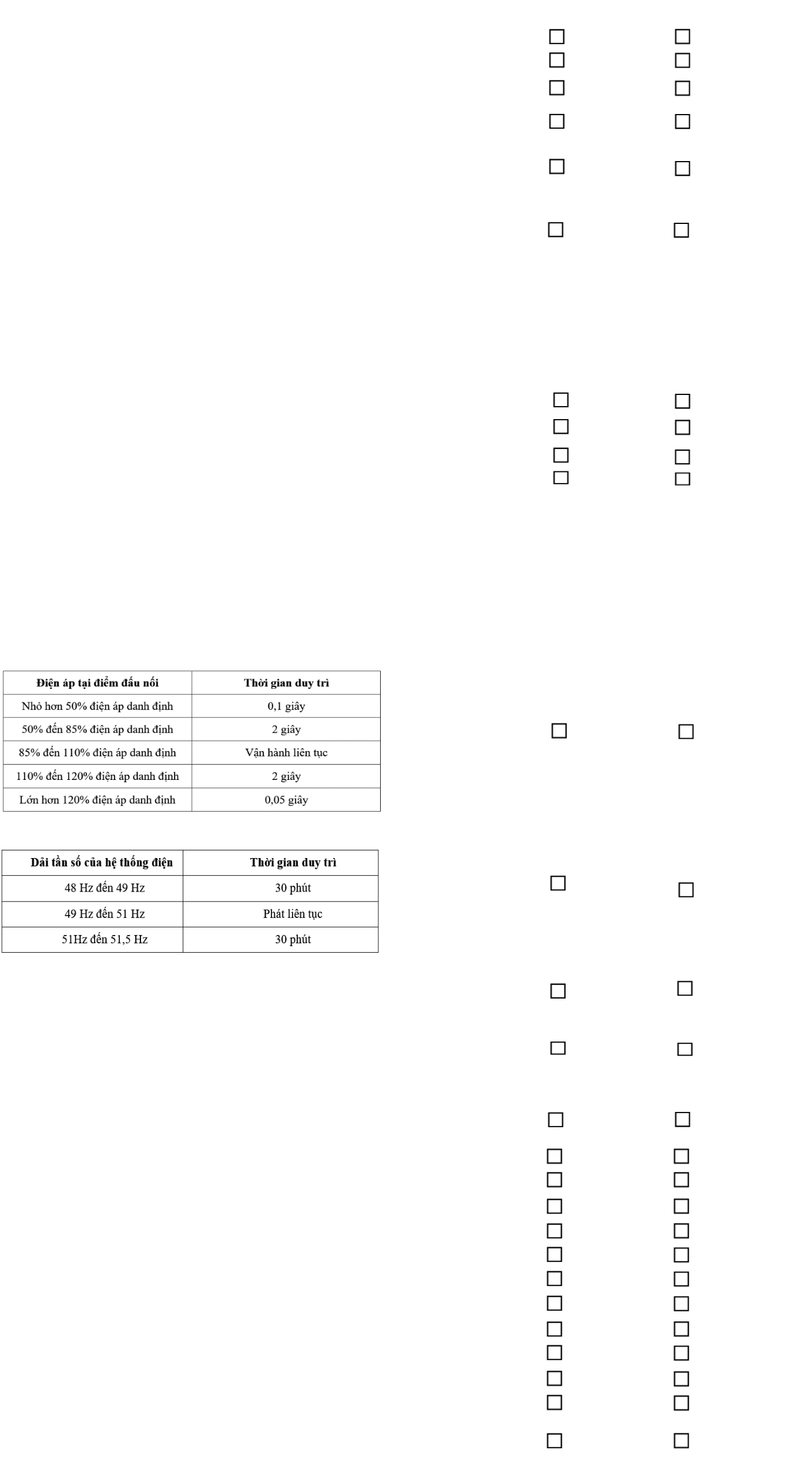
**Phụ lục 4.1**

**Mẫu Biên bản kiểm tra hệ thống điện mặt trời mái nhà đấu nối lưới điện hạ áp**

**(trước khi ký hợp đồng mua bán điện)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nội dung** |  |  | **Tình hình thực hiện** | |  | **Ghi chú** |
| **I** | **Hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |
|  | - Văn bản đề nghị bán điện |  |  | Có | Không có |  |  |
|  | - Thỏa thuận đấu nối/văn bản thỏa thuận đấu nối | |  | Có | Không có |  |  |
|  | - Tài liệu kỹ thuật về tấm quang điện mặt trời | |  | Có | Không có |  |  |
|  | - Tài liệu kỹ thuật bộ biến đổi điện từ một chiều sang xoay | |  | Có | Không có |  |  |
| 1 | chiều (Bộ nghịch lưu) |  |  |  |  |  | Điện lực kiểm tra |
| - Giấy chứng nhận xuất xưởng, chứng nhận chất lượng thiết | |  | Có | Không có |  |
|  |  |  |  |
|  | bị (bản sao y) |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hồ sơ thiết kế hệ thống ĐMTMN (áp dụng dự án | |  | Có | Không có |  |  |
|  | ĐMTMN có tổng công suất các bộ inverter từ 50kW trở | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | lên) |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Kiểm tra thực tế** |  |  |  |  |  |  |
|  | Hệ thống điện mặt trời mái nhà có **quy mô công suất** phù | |  |  |  |  |  |
|  | hợp với nội dung trong thỏa thuận đấu nối: | |  |  |  |  |  |
|  | - Tổng công suất các bộ inverter | |  | Phù hợp | Không phù hợp |  |  |
|  | - Tổng công suất các tấm quang điện mặt trời | |  | Phù hợp | Không phù hợp |  |  |
|  | - Chủng loại inverter phù hợp tài liệu kỹ thuật | |  |  |  |
| 1 |  | Phù hợp | Không phù hợp |  | Điện lực kiểm tra và bổ sung hình |
| - Chủng loại pin phù hợp tài liệu kỹ thuật | |  | Phù hợp | Không phù hợp |  | ảnh kèm theo |
|  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Số lượng Inverter |  |  | Bộ |  |  |  |
|  | - Công suất Inverter |  |  | kW/bộ |  |  |  |
|  | - Số lượng tấm quang điện mặt trời | |  | Tấm |  |  |  |
|  | - Công suất tấm quang điện mặt trời | |  | W/tấm |  |  |  |
|  | \* Thông số cài đặt của inverter : | |  |  |  |  |  |
|  | - Bảo vệ quá áp, kém áp |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | Đạt | Không đạt |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | - Đội thí nghiệm - đo lường kiểm |
|  |  |  |  |  |  |  | tra các dự án ĐMTMN có tổng |
|  | - Bảo vệ tần số |  |  |  |  |  | công suất các bộ inverter từ |
| 2 |  |  |  |  |  |  | 50kW trở lên. |
|  |  |  |  | Đạt | Không đạt |  | - Điện lực kiểm tra các dự án |
|  |  |  |  |  |  |  | ĐMTMN có tổng công suất các |
|  |  |  |  |  |  |  | bộ inverter dưới 50kW. |
|  | \* Hệ thống ĐMTMN phải có chức năng chống phát điện | |  | Có | Không có |  |  |
|  | lên lưới điện khi lưới điện không có điện. | |  |  |  |  |  |
|  | \* Hệ thống ĐMTMN không chứa các thông tin độc hại, trái | |  | Đạt | Không đạt |  |  |
|  | với pháp luật Việt Nam |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |
| 3 | Thí nghiệm hệ thống ĐMTMN (áp dụng dự án ĐMTMN | |  | Đạt | Không đạt |  |  |
| có tổng công suất các bộ inverter từ 50kW trở lên) | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Tần số |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.2 | Điện áp |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.3 | Hệ số công suất |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.4 | Cân bằng pha |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  | Đội thí nghiệm - đo lường thực |
| 3.5 | Xâm nhập của dòng điện một chiều | |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |
|  |  | hiện. |
| 3.6 | Sóng hài |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |
|  |  |  |  |
| 3.7 | Nhấp nháy điện áp |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.8 | Nối đất |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.9 | Bảo vệ và đóng cắt |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.10 | Kết nối thông tin thu thập dữ liệu | |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| 3.11 | Bảo vệ chống sét lan truyền |  |  | Đáp ứng | Không đáp ứng |  |  |
| **III** | **KẾT LUẬN** |  |  | Đạt | Không đạt |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | *Đà Nẵng, ngày* | *thángnăm* | |
|  | **ĐIỆN LỰC SƠN TRÀ** | **ĐỘI THÍ NGHIỆM - ĐO LƯỜNG** | |  |  |  | **CHỦ ĐẦU TƯ** |

****